

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QL03088 - ĐĂNG KÝ THÔNG KÊ ĐẤT ĐAI
(LAND REGISTRATION AND STATISTIC)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 5
- Tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 1,5 – Thực hành: 0,5 – Tự học: 6);
- Giờ tín chỉ đổi với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp/lớp học trực tuyến: 15 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp//lớp học trực tuyến: 7 tiết
 - + Thực hành trong phòng thực hành: 8 tiết
- Tự học: 90 tiết (theo kế hoạch cá nhân có hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - + Bộ môn: Quản lý đất đai
 - + Khoa: Tài nguyên và môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần

* Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:

Chuẩn đầu ra	Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra
Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức chung	
Kiến thức chuyên ngành	
CDR2: Phân tích công tác quản lý và sử dụng đất để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội	2.1. Phân tích công tác quản lý đất đai theo luật đất đai
CDR3: Xác định giải pháp quản lý, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất đai đáp ứng các yêu cầu	3.1. Xác định giải pháp quản lý đất đai đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu

Chuẩn đầu ra	Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra
Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể: về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.	
Kỹ năng chung	
CĐR4: Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề về nghiên cứu, chuyên giao công nghệ trong ngành Quản lý đất đai một cách có hiệu quả;	4.1. Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề về nghiên cứu trong ngành Quản lý đất đai một cách có hiệu quả;
CĐR5: Sử dụng thành thạo các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo và khởi nghiệp trong hoạt động chuyên môn thuộc ngành quản lý đất đai.	5.1. Sử dụng thành thạo các kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn thuộc ngành quản lý đất đai.
Kỹ năng chuyên ngành	
CĐR7: Sử dụng thành thạo các nghiệp vụ, công nghệ tiên tiến để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý đất đai.	7.3. Sử dụng thành thạo các nghiệp vụ để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý đất đai
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR8: Làm việc độc lập, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý đất đai.	8.3. Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc ngành Quản lý đất đai.
CĐR9: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.	9.1 Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp

* **Mục tiêu:** Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức để

- Vận dụng các quy định của nhà nước vào xét duyệt, phân loại nguồn gốc, tính chất và mức độ pháp lý liên quan đến đất và bất động sản và chủ sử dụng, chủ sở hữu; nắm cách lập, quản lý hồ sơ địa chính, thực hiện thống kê kiểm kê đất đai.
- Chủ động tiếp cận với những kiến thức thực tế trong quản lý đất đai thường xuyên, kích thích khả năng ham học hỏi và thích ứng với công việc chuyên môn.

* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		2.1	3.1	4.1	5.1	7.3	8.3	9.1
QL03088	Đăng ký thống kê đất đai	R	R	R	R	P	P	P

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Kí hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được:	CDR của CTĐT
Kiến thức chuyên ngành		
K1	Phân tích thực tế quản lý và sử dụng đất để thực hiện đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, thống kê, kiểm kê đất	2.1
K2	Xác định chủ thể sử dụng, quản lý đất/ bất động sản thông qua quá trình đăng ký đất đai	3.1
Kỹ năng		
K3	Vận dụng các quy định của nhà nước vào xét duyệt, phân loại nguồn gốc, tính chất và mức độ pháp lý liên quan đến đất/bất động sản và chủ sử dụng/chủ sở hữu;	4.1
K4	Sử dụng thành thạo các kỹ năng trong lập, quản lý hồ sơ địa chính, thống kê kiểm kê đất đai.	5.1
Kỹ năng chuyên ngành		
K5	Sử dụng thành thạo nghiệp vụ, công nghệ để nâng cao hiệu quả đăng ký, lập và quản lý hồ sơ địa chính, thống kê và kiểm kê đất đai.	7.3
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K6	Hướng dẫn, giám sát người thực hiện nhiệm vụ quản lý, người sử dụng đất thực hiện đăng ký đất đai/bất động sản	8.3
K7	Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp.	9.1

III. Nội dung tóm tắt của học phần

QL03088 - Đăng ký thống kê đất đai – Land registration and statistic (2TC:1,5-0,5-6).

Đăng ký đất đai; Cấp giấy chứng nhận; Đăng ký biến động đất đai; Lập và quản lý hồ sơ địa chính; Thống kê đất đai.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

1. Thuyết giảng trên lớp
2. Giảng dạy trực tuyến
3. Tổ chức thảo luận, thuyết trình theo nhóm
4. Giảng dạy thông qua thực hành

2. Phương pháp học tập

1. Nghe giảng trên lớp/lớp học trực tuyến
2. Thảo luận, thuyết trình trên lớp
3. Đọc tài liệu ở nhà trước khi đến lớp/tham dự lớp học trực tuyến
4. Chuẩn bị bài thuyết trình trước lớp/lớp học trực tuyến
5. Làm việc theo nhóm trong phòng thực hành

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự lớp học/lớp học trực tuyến tối thiểu 75% số giờ lý thuyết.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc tài liệu tham khảo và bài giảng trước khi đến lớp học
- Thuyết trình và Thảo luận:Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia thảo luận các chủ điểm học tập trên lớp/lớp học trực tuyến, chia nhóm tham gia trả lời các câu hỏi nhanh sau mỗi bài giảng, tham gia chuẩn bị thuyết trình ở nhà và thuyết trình trên lớp
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự tất cả các buổi thực hành theo nhóm 4 - 5 sinh viên. Có đủ 3 bài thực hành theo nhóm.
- Thi cuối kỳ: Một bài thi.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric.

$$DTB = 0.1 \times \text{Rubric 1} + 0.1 \times \text{Rubric 2} + 0.2 \times \text{Rubric 3} + 0.6 \times \text{Rubric 4}$$

1. Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

Rubric đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Rubric 1: Tham dự lớp	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7	10	1-10
Rubric 2: Thảo luận nhóm	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7	15	1-10
Rubric 3: Đánh giá bài tập thực hành	K3, K4, K5	15	7-10
Rubric 4: Đánh giá cuối kỳ	K1, K2	60	Theo lịch HV

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
K1	Phân tích thực tế quản lý và sử dụng đất để thực hiện đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, thống kê, kiểm kê đất
K2	Xác định chủ thể sử dụng, quản lý đất/ bất động sản thông qua quá trình đăng ký đất đai phù hợp

Rubric 1: Tham dự lớp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Thái độ tham dự	50	Tích cực tham gia	Tham gia	Chú ý	Không chú ý

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Thời gian tham dự	50	Tham dự từ 3/4 thời lượng môn học trở lên	Tham dự từ 1/2 đến dưới 3/4 thời lượng môn học	Tham dự từ 1/4 đến dưới 1/2 thời lượng môn học	

Rubric 2: Đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Kỹ năng thảo luận	50	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	50	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

Rubric 3: Đánh giá thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Chất lượng bài thực hành	80	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu
Hình thức bài thực hành	20	Đúng quy định của môn học	Điểm tuỳ theo mức độ đáp ứng		

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tham dự thực hành: Không tham dự thực hành đủ 100% sẽ không được dự thi cuối kỳ và nhận điểm 0 chuyên cần. Phải nộp bài thực hành đúng thời gian quy định.

Tham dự thảo luận, thuyết trình: Không tham dự sẽ nhận điểm 0 điểm thảo luận nhóm và điểm tham dự lớp.

Tham dự lý thuyết: tối thiểu 75% số tiết lý thuyết của môn học

Yêu cầu về đạo đức: Tôn trọng thầy, cô, hợp tác, giúp đỡ bạn bè.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* **Sách giáo trình/Bài giảng:**

Đỗ Thị Đức Hạnh, Nguyễn Thị Thu Hương, Vũ Thanh Biển (2019), Bài giảng Đăng ký thống kê đất đai (Bản word và bản ppt cung cấp từ đầu học kỳ)

* Tài liệu tham khảo khác:

1. Quốc hội (2013), Luật Đất đai 2013
2. Chính phủ (2014), Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.
3. Chính phủ (2017), Nghị định 01/2017/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai
4. Bộ tài nguyên và môi trường (2014), Thông tư 23/2014/TT-BTNMT quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất.
5. Bộ tài nguyên và môi trường (2014), Thông tư 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính.
6. Bộ tài nguyên và môi trường (2014), Thông tư 25/2014/TT-BTNMT quy định về bản đồ địa chính.
7. Bộ tài nguyên và môi trường (2018), Thông tư 27/2018/TT-BTNMT quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
8. Bộ tài nguyên và môi trường (2017), Thông tư 33/2017/TT-BTNMT quy định chi tiết nghị 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1	Chương 1: Đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: 3 tiết Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2 tiết) 1.1. Đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất tại Việt Nam trong thời kỳ trước 1.2. Đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất tại Việt Nam hiện nay 1.2.1. Khái niệm về Đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất 1.2.2. Vai trò của đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất 1.2.3. Đặc điểm – Yêu cầu của đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết) Mục đích của đăng ký đất đai	K1- K7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Các giai đoạn của đăng ký đất đai, đối tượng đăng ký của từng giai đoạn, nội dung thông tin đăng ký đất đai.	K1- K7

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phàn
2	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: 3 tiết</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2 tiết)</p> <p>1.3. Đăng ký quyền sử dụng đất, quyền quản lý đất đai</p> <p>1.3.1. Đối tượng đăng ký</p> <p>1.3.2. Người chịu trách nhiệm kê khai đăng ký</p> <p>1.4. Đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</p> <p>1.4.1. Tài sản được đăng ký quyền sở hữu</p> <p>1.4.2. Đối tượng đăng ký quyền sở hữu tài sản</p> <p>1.5. Đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất trên thế giới</p> <p>Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết)</p> <p>Phân tích mối quan hệ hữu cơ giữa đăng ký đất đai với các nội dung quản lý nhà nước về đất đai khác</p>	K1- K7
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</p> <p>Hệ thống đăng ký địa bạ</p> <p>Hệ thống đăng ký bằng khoán</p>	K1- K7
3	<p>Chương 2: Cấp giấy chứng nhận</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: 3 tiết</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2 tiết)</p> <p>2.1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</p> <p>2.2. Đối tượng được cấp giấy chứng nhận</p> <p>2.3. Nguyên tắc cấp giấy chứng nhận và căn cứ thực hiện cấp giấy chứng nhận</p> <p>Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết)</p> <p>Điều kiện để người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà được cấp giấy chứng nhận</p>	K1- K7
	<p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</p> <p>Nội dung thể hiện trên giấy chứng nhận</p>	K1- K7

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phân
4	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: 3 tiết Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2 tiết) 2.4. Thủ tục cấp giấy chứng nhận và chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận 2.5. Thủ tục cấp giấy chứng nhận 2.5.1. Cấp giấy chứng nhận lần đầu 2.5.2. Chỉnh lý giấy chứng nhận đã cấp 2.6. Quản lý giấy chứng nhận Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết) Tình huống cấp giấy chứng nhận</p> <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Các trường hợp không được cấp giấy chứng nhận. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận</p>	K1- K7
5	<p>Chương 3: Đăng ký biến động về đất và tài sản gắn liền với đất</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: 3 tiết Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2 tiết) 3.1. Mục đích, yêu cầu và nguyên tắc đăng ký biến động 3.2. Đối tượng và trường hợp đăng ký biến động 3.3. Trách nhiệm đăng ký biến động 3.4. Quy trình đăng ký biến động 3.5. Thủ tục đăng ký biến động Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết) Quy trình đăng ký biến động đất đai</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:(9 tiết) Trình tự đăng ký biến động các trường hợp cụ thể</p>	K1- K7
6	<p>Chương 4: Lập và quản lý hồ sơ địa chính</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: 3 tiết Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2 tiết) 4.1. Hồ sơ địa chính 4.1.1. Khái niệm – Nguyên tắc 4.1.2. Yêu cầu – Phân loại hồ sơ địa chính 4.1.3. Lập, nghiệm thu và bảo quản hồ sơ địa chính 4.2. Lập hồ sơ địa chính 4.2.1. Lập hồ sơ địa chính giấy 4.2.2. Xây dựng hồ sơ địa chính số</p>	K1- K7

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	<p>4.3. Quản lý và sử dụng hồ sơ địa chính</p> <p>4.3.1. Căn cứ - Nguyên tắc chỉnh lý, cập nhập biến động trên hồ sơ địa chính</p> <p>4.3.2 Quy trình chỉnh lý và cập nhật biến động</p> <p>4.3.3 Khai thác hồ sơ địa chính trong quản lý đất đai</p> <p>Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết)</p> <p>Quy trình đăng ký biến động đất đai</p>	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</p> <p>Nội dung các tài liệu trong hồ sơ địa chính</p>	K1- K7
7	<p>Chương 5: Thống kê đất đai</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: 3 tiết</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết)</p> <p>5.1. Quy định chung về thống kê đất đai</p> <p>5.1.1. Đối tượng và mục đích của thống kê đất đai</p> <p>5.1.2. Yêu cầu và nhiệm vụ của thống kê đất đai</p> <p>5.1.3. Nguyên tắc thực hiện thống kê đất đai</p> <p>5.1.4. Hình thức và phương pháp thống kê đất đai</p> <p>5.1.5. Thời điểm và thời hạn thống kê đất đai</p> <p>5.1.6. Đơn vị thống kê đất đai</p> <p>5.1.7. Trình tự thực hiện thống kê đất đai</p> <p>5.2. Kết quả thống kê đất đai</p> <p>5.2.1. Kết quả thống kê đất đai</p> <p>5.2.2. Nội dung báo cáo thống kê đất đai</p> <p>5.2.3. Biểu mẫu thống kê đất đai</p> <p>5.2.4. Xác nhận và công bố kết quả thống kê đất đai</p> <p>5.3. Chỉ tiêu thống kê đất đai</p> <p>5.3.1. Mục đích sử dụng đất</p> <p>5.3.2. Người sử dụng, người quản lý đất</p>	K1- K7
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</p> <p>Nội dung các chỉ tiêu thống kê, kiểm kê đất đai</p>	K1- K7
8	<p>Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết)</p> <p>So sánh thống kê và kiểm kê đất đai</p>	K1- K7
9	<p>Nội dung giảng dạy thực hành: (4,5 tiết)</p> <p>Lập hồ sơ địa chính (2,5 tiết)</p> <p>Chỉnh lý hồ sơ địa chính (2 tiết)</p>	K3, K4, K5

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phân
10	Nội dung giảng dạy thực hành: (3.5 tiết) Lập biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai (2 tiết) Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất (1,5 tiết)	K3, K4, K5

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: Phòng học và phòng thực sạch sẽ, đủ sức chứa.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, phấn, bảng, bút chỉ, loa, mic; Phần mềm dạy trực tuyến (MS Teams...), máy tính, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet với băng thông đáp ứng nhu cầu người dùng, không để xảy ra nghẽn mạng hay quá tải. Phòng học trực tuyến đầy đủ ánh sáng, cách âm tốt, thông thoáng, ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.
- E-learning.
- Các phương tiện khác: Không

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. GVC. NGUYỄN VĂN QUÂN

GIÁNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. GVCC. ĐỖ THỊ ĐỨC HẠNH

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. TRẦN QUỐC VINH



GS.TS. PHẠM VĂN CƯỜNG

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách môn học

Họ và tên: Đỗ Thị Đức Hạnh	Học hàm, học vị: Tiến sĩ, GVCC
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ – Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0989.055.956
Email: dtdhanh@vnua.edu.vn	Trang web http://qldd.vnua.edu.vn/vi/tn-qldd.html
Cách liên lạc với giảng viên:	email; điện thoại, gặp trực tiếp

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hương	Học hàm, học vị: Thạc sĩ, GVC
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ – Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0982420081
Email: ntthuongtnmt@vnua.edu.vn	Trang web http://qldd.vnua.edu.vn/vi/tn-qldd.html
Cách liên lạc với giảng viên:	email; điện thoại, gặp trực tiếp

Giảng viên giảng dạy học phần

2.2. Họ và tên: Vũ Thanh Biển	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ – Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0973.367.356
Email: vtbien@vnua.edu.vn	Trang web http://qldd.vnua.edu.vn/vi/tn-qldd.html
Cách liên lạc với giảng viên:	email; điện thoại, gặp trực tiếp

Các lần cải tiến (đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện):

- Lần 1: 7/ 2018 : Thay đổi mẫu đề cương theo quy định của Học viện
- Lần 2: 7/ 2019 : Thay đổi cách đánh giá theo thang Bloom
- Lần 3: 7/ 2020 : Thay đổi mẫu đề cương theo quy định của Học viện
- Lần 4: 7/ 2021: Thay đổi mẫu đề cương theo quy định của Học viện
- Lần 5: 7/ 2022 : Thay đổi mẫu đề cương theo quy định của Học viện
- Lần 6: 7/ 2023: Thay đổi mẫu đề cương theo quy định của Học viện